

NHẬN ĐỊNH SỰ HÀI LÒNG TRONG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI NĂM HỌC 2023 - 2024 VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

Đoàn Hoàng Anh^{1,*}, Trương Quang Trung²

¹Trường Đại học Y Hà Nội

²Hệ thống Y tế Vinmec

Sự hài lòng trong học tập của sinh viên Điều dưỡng là một thành phần quan trọng đảm bảo chất lượng học tập và quyết định sự thành công của khóa học. Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 193 sinh viên Điều dưỡng năm thứ hai đến năm thứ tư tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội, thông qua phỏng vấn bằng bộ câu hỏi được thiết kế sẵn nhằm nhận định sự hài lòng trong học tập của sinh viên Điều dưỡng. Kết quả cho thấy sinh viên nhận định sự hài lòng ở mức độ cao với giá trị trung bình là $141,71 \pm 15,60$ (chiếm 73,80% điểm tối đa) theo thang điểm UNSASS, đặc biệt cao nhất trong lĩnh vực thiết kế và phân phối chương trình. Năm học được xác định là yếu tố có ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên Điều dưỡng, trong đó sinh viên năm thứ tư có sự hài lòng thấp hơn năm thứ hai và năm thứ ba.

Từ khóa: Sinh viên điều dưỡng, sự hài lòng, UNSASS.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự hài lòng của sinh viên về môi trường giáo dục là một thành phần quan trọng để đảm bảo chất lượng học tập; phát huy vai trò khoa học, thực tiễn và chuyên nghiệp, cuối cùng đáp ứng được nhu cầu của các thành phần xã hội trong tương lai.^{1,2} Chính vì vậy, sự hài lòng của sinh viên là một tiêu chí đo lường hiệu quả của hệ thống giáo dục đồng thời quyết định sự thành công của khóa học đó.³

Đặc biệt, việc đo lường mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng là cần thiết.⁴ Đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng là cơ hội để tìm hiểu những khía cạnh có thể được cải thiện, nâng cao chất lượng học tập từ chương trình giảng dạy, thu hẹp khoảng cách giữa các lớp học lý thuyết và thực hành chăm sóc; nhằm giúp sinh viên ứng phó tốt hơn với

việc bước vào nghề điều dưỡng trong tương lai gần và góp phần cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe chuyên nghiệp cho người dân.⁵

Tại Việt Nam, một số nghiên cứu chỉ ra việc lấy sinh viên làm trung tâm trong giảng dạy được phản hồi chưa thật sự hài lòng, sinh viên cảm thấy áp lực khi tham gia học tập và không thoải mái bày tỏ trong việc học, giữa học tập lý thuyết và lâm sàng cần có một sự hoà hợp nhất định.^{6,7}

Tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội, ngành Điều dưỡng được tiến hành đào tạo theo quyết định 2905/QĐ-ĐHYHN từ năm 2020 theo chương trình các module với trình tự logic giúp sinh viên chủ động trong công việc học tập. Tuy nhiên, việc triển khai chương trình mới đòi hỏi sinh viên tăng khả năng tự học, đồng thời yêu cầu sự hỗ trợ hiệu quả từ giảng viên và cơ sở đào tạo. Chính vì vậy, việc đánh giá mức độ hài lòng trong học tập là cần thiết để nhận diện điểm mạnh, hạn chế cũng như đề xuất giải pháp để cải thiện chương trình đào tạo. Do đó, nghiên cứu được thực hiện với 2 mục tiêu sau:

Tác giả liên hệ: Đoàn Hoàng Anh

Trường Đại học Y Hà Nội

Email: doanhoanganh@hmu.edu.vn

Ngày nhận: 27/01/2026

Ngày được chấp nhận: 23/02/2026

1. Mô tả sự hài lòng trong học tập của sinh viên Điều dưỡng Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2023 - 2024.

2. Mô tả một số yếu tố liên quan đến sự hài lòng trong học tập của nhóm sinh viên Điều dưỡng tham gia nghiên cứu năm học 2023 - 2024.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

1. Đối tượng

Sinh viên Điều dưỡng đang học tập tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa, bao gồm từ khối Y2 đến Y4.

Tiêu chuẩn loại trừ

- Sinh viên không có mặt trong thời gian thu thập số liệu.
- Sinh viên không đồng ý tham gia nghiên cứu.

2. Phương pháp

Thiết kế nghiên cứu

Mô tả cắt ngang.

Thời gian nghiên cứu

Từ tháng 10/2023 đến tháng 06/2024.

Thời gian thu thập số liệu từ tháng 12/2023 - 01/2024.

Địa điểm nghiên cứu

Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại tỉnh Thanh Hoá.

Cỡ mẫu và chọn mẫu

Cỡ mẫu toàn bộ. Phương pháp chọn mẫu chủ đích: Toàn bộ sinh viên Điều dưỡng hệ chính quy tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại tỉnh Thanh Hoá có mặt tại thời điểm nghiên cứu và đồng ý tham gia nghiên cứu. Tổng số 193/196 sinh viên Điều dưỡng đồng ý tham gia nghiên cứu. Tỷ lệ phản hồi chung là 98,47%.

Biến số/Chỉ số nghiên cứu

Thông tin chung của ĐTNC

Giới tính, năm học, kết quả học tập.

Giảng dạy trên lớp

- + Sự hỗ trợ của giảng viên.
- + Mức độ tiếp cận giảng viên.
- + Tính công bằng và chuyên nghiệp của giảng viên.
- + Cơ chế tiếp nhận phản ánh và trao đổi học thuật.
- + Mức độ phù hợp về thời gian và tiến độ học tập.

Giảng dạy lâm sàng

- + Sự tiếp cận và hỗ trợ của giảng viên.
- + Phản hồi và hướng dẫn thực hành.
- + Môi trường thảo luận và tôn trọng ý kiến.
- + Mức độ rõ ràng về yêu cầu và mong đợi trong thực tập.
- + Cơ hội thực hành và áp dụng kiến thức.
- + Tính thống nhất và tính chuyên nghiệp của đội ngũ hướng dẫn.

Thiết kế và phân phối chương trình

- + Mức độ phù hợp và tính hữu ích của module.
- + Phát triển kỹ năng phân tích, tư duy phê phán và giải quyết vấn đề.
- + Chất lượng giảng dạy và định hướng học tập.
- + Hỗ trợ làm việc nhóm và định hướng nghề nghiệp.

Hỗ trợ và tài nguyên học tập

- + Sự hỗ trợ của giáo vụ/thư ký bộ môn.
- + Khả năng tiếp cận nguồn lực học tập.
- + Trang thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ học tập.

Công cụ thu thập số liệu

Sử dụng bộ câu hỏi tự điền dựa trên thang đo mức độ hài lòng trong học tập của sinh viên điều dưỡng (*Undergraduate Nursing Student Academic Satisfaction Scale - UNSASS*) của tác giả Dennison và El - Masri (2012), có hệ số

Cronbach's alpha tổng thể là 0,96 và hệ số tương quan kiểm tra-kiểm tra lại là 0,88, cho thấy một công cụ có độ tin cậy cao.⁸ Thang đo có bản gốc tiếng Anh, chưa được dịch và chuẩn hóa tại Việt Nam. Chính vì vậy, trước khi tiến hành nghiên cứu, bảng câu hỏi được nhóm nghiên cứu dịch ra Tiếng Việt thông qua 6 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Nhóm nghiên cứu xin phép tác giả được sử dụng và dịch bộ công cụ sang Tiếng Việt.

- Giai đoạn 2: Hai phiên dịch viên (IELTS 7.5) dịch bảng câu hỏi từ tiếng Anh sang tiếng Việt tạo thành 2 "bản dịch sơ bộ".

- Giai đoạn 3: Nhóm nghiên cứu đối chiếu thống nhất giữa hai bản dịch tiếng Việt tạo thành bản thảo bộ câu hỏi.

- Giai đoạn 4: Nhóm nghiên cứu điều chỉnh nội dung tạo thành phiên bản Tiếng Việt của bảng câu hỏi phù hợp với chương trình học của Trường Đại học Y Hà Nội.

- Giai đoạn 5: Nhóm nghiên cứu đối chiếu phiên bản Tiếng Việt của bộ câu hỏi với phiên bản Tiếng Việt của bộ câu hỏi trong nghiên cứu của tác giả Quân Nguyễn - nghiên cứu đầu tiên sử dụng bộ công cụ UNSASS tại Việt Nam, cho thấy không có sự khác biệt đáng kể về câu từ và ý nghĩa các câu hỏi.⁷

- Giai đoạn 6: Nghiên cứu sơ bộ trên 30 sinh viên cho kết quả độ tin cậy Cronbach's alpha của bảng câu hỏi là 0,94.

Bộ câu hỏi gồm 2 phần:

- Phần A: Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu (3 câu).

- Phần B: Mức độ hài lòng trong học tập của sinh viên điều dưỡng (48 câu).

Cách tính điểm:

Bộ câu hỏi có tổng 48 câu và phân thành 4 lĩnh vực: Giảng dạy trên lớp (16 câu), Giảng dạy lâm sàng (15 câu), Thiết kế và phân bố chương trình đào tạo (12 câu), Hỗ trợ và tài

nguyên học tập (5 câu). Mỗi câu trả lời dựa trên thang đo Likert 4 mức độ: Rất đồng ý (4), Đồng ý (3), Không đồng ý (2) và Rất không đồng ý (1). Tổng điểm của UNSASS được thực hiện bằng cách tính tổng các câu trả lời cho từng mục để đạt được điểm cuối cùng nằm trong khoảng từ 48 đến 192. Tuy nhiên, do tính chất đa chiều của UNSASS, mỗi thang đo trong số bốn thang đo phụ có thể được sử dụng như một thước đo độc lập cho khái niệm tương ứng của nó. Trong trường hợp như vậy, điểm cho một lĩnh vực nhất định sẽ đạt được bằng cách tính tổng tất cả các mục tương ứng.⁹

Quy trình thu thập số liệu

Nhóm nghiên cứu lập danh sách đối tượng nghiên cứu đủ tiêu chuẩn và xin phép đến từng lớp trong giờ nghỉ giữa các tiết để giới thiệu mục đích nghiên cứu. Phiếu khảo sát được phát trực tiếp cho sinh viên, đồng thời nhóm nghiên cứu theo dõi quá trình trả lời, hỗ trợ giải đáp khi cần. Sau khi hoàn thành, phiếu khảo sát được thu lại kiểm tra về số lượng cũng như chất lượng trước khi đưa vào phân tích.

Xử lý và phân tích số liệu

Dữ liệu thu thập được rà soát và làm sạch trước khi tiến hành phân tích. Phần mềm SPSS 20.0 được sử dụng để xử lý số liệu. Các thống kê mô tả bao gồm: Tỷ lệ phần trăm, giá trị trung bình, độ lệch chuẩn, giá trị lớn nhất - nhỏ nhất. Các phân tích suy luận sử dụng phép kiểm Student T test và ANOVA để so sánh sự khác biệt giữa các nhóm.

3. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu đã được cơ sở đào tạo đồng ý cho phép tiến hành nghiên cứu. Các sinh viên tham gia được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu và ý nghĩa của nghiên cứu, đồng thời chỉ tham gia khi hoàn toàn tự nguyện thông qua chữ ký trong phiếu. Việc thu thập số liệu được lấy vào thời điểm phù hợp và bảo mật thông tin cá nhân, chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ

Trong tổng số 193 sinh viên tham gia nghiên cứu, sinh viên là nữ chiếm đa số với tỉ lệ 87,56%. Tỉ lệ sinh viên Điều dưỡng giữa các năm học

không có sự chênh lệch nhiều trong đó năm thứ ba chiếm tỷ lệ nhiều nhất với 35,23%. Kết quả học tập của sinh viên Điều dưỡng có kết quả từ khá trở lên chiếm tỉ lệ lớn hơn với 58%.

Bảng 1. Tổng điểm hài lòng của sinh viên Điều dưỡng trong học tập (n = 193)

Nội dung	Số câu hỏi	Giá trị nhỏ nhất - Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	%
Giảng dạy trên lớp	16	17 - 64	45,17	6,21	70,57
Giảng dạy lâm sàng	15	30 - 78	45,20	5,67	57,94
Thiết kế và phân phối chương trình	12	24 - 48	36,79	3,88	76,64
Hỗ trợ và tài nguyên học tập	5	5 - 20	14,54	2,29	72,70
Tổng điểm hài lòng chung	48	79 - 192	141,71	15,60	73,80

Tổng điểm hài lòng chung của sinh viên Điều dưỡng sự là 141,71 ± 15,60 (chiếm 73,80% điểm tối đa). Trong đó, lĩnh vực “Thiết kế và phân phối chương trình” có mức độ hài lòng cao nhất với giá trị trung bình là 36,79 ± 3,88,

chiếm 76,64 tổng điểm tối đa. Lĩnh vực “Giảng dạy lâm sàng” là lĩnh vực có mức độ hài lòng thấp nhất với giá trị trung bình là 45,20 ± 5,67, chiếm 57,94% tổng điểm tối đa.

Bảng 2. Mối liên quan giữa giới tính và sự hài lòng (n = 193)

Nội dung	Giới tính (Giá trị trung bình ± Độ lệch chuẩn)		Student T test
	Nam	Nữ	
Giảng dạy trên lớp	47,16 ± 5,85	44,88 ± 6,23	t = 1,688 p = 0,093
Giảng dạy lâm sàng	46,79 ± 6,53	44,98 ± 5,52	t = 1,466 p = 0,144
Thiết kế và phân phối chương trình	37,91 ± 4,64	36,63 ± 3,75	t = 1,519 p = 0,130
Hỗ trợ và tài nguyên học tập	14,91 ± 2,37	14,49 ± 2,28	t = 0,851 p = 0,396
Tổng điểm hài lòng chung	146,79 ± 16,92	140,99 ± 15,32	t = 1,712 p = 0,089

Kết quả không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa sinh viên nam và sinh viên nữ khi nhận định sự hài lòng theo UNSASS ($p > 0,05$).

Bảng 3. Mối liên quan giữa năm học và sự hài lòng (n = 193)

Nội dung	Năm học			F	p
	(Giá trị trung bình ± Độ lệch chuẩn)				
	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư		
Giảng dạy trên lớp	46,89 ± 4,36	45,66 ± 6,57	43,12 ± 6,21	6,415	0,001
Giảng dạy lâm sàng	45,57 ± 3,71	46,61 ± 6,31	43,42 ± 6,02	5,754	0,010
Thiết kế và phân phối chương trình	37,06 ± 2,75	37,41 ± 4,06	35,90 ± 4,42	2,765	0,066
Hỗ trợ và tài nguyên học tập	14,84 ± 1,85	15,17 ± 2,12	13,62 ± 2,53	9,183	0,001
Tổng điểm hài lòng chung	144,38 ± 10,73	144,86 ± 16,28	136,07 ± 17,14	6,972	0,003

Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa số năm theo học khi nhận định sự hài lòng chung ($p < 0,05$).

Phân tích Post - Hoc test ANOVA cho kết quả nhóm sinh viên năm thứ tư là nhóm có sự hài lòng thấp hơn sinh viên năm thứ hai và năm thứ ba. Trong đó nhóm sinh viên năm thứ tư so với nhóm sinh viên năm thứ hai có 3 trong 4 lĩnh vực có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê

gồm: giảng dạy trên lớp, giảng dạy lâm sàng và hỗ trợ và tài nguyên học tập. Nhóm sinh viên năm thứ tư so với nhóm sinh viên năm thứ ba có sự khác biệt trên cả 4 lĩnh vực có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

Bảng 4. Mối liên quan giữa kết quả học tập và sự hài lòng (n = 193)

Nội dung	Kết quả học tập		Student T test
	(Mean ± SD)		
	Xếp loại ≥ Khá	Xếp loại < Khá	
Giảng dạy trên lớp	44,08 ± 6,67	46,66 ± 5,19	t = -3,013 p = 0,003
Giảng dạy lâm sàng	44,90 ± 6,35	45,62 ± 4,58	t = -0,879 p = 0,381
Thiết kế và phân phối chương trình	36,57 ± 4,30	37,09 ± 3,23	t = -0,930 p = 0,354
Hỗ trợ và tài nguyên học tập	14,33 ± 2,33	14,83 ± 2,21	t = -1,529 p = 0,128
Tổng điểm hài lòng chung	139,89 ± 16,87	144,23 ± 13,34	t = -1,921 p = 0,056

Kết quả không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa sinh viên Điều dưỡng đạt kết quả học tập khác nhau khi nhận định sự hài lòng theo UNSASS ($p > 0,05$).

IV. BÀN LUẬN

Sinh viên Điều dưỡng tại Phân Hiệu Trường Đại học Y Hà Nội nhận định sự hài lòng thông qua bốn lĩnh vực: Giảng dạy trên lớp, giảng dạy lâm sàng, thiết kế và phân phối chương trình, hỗ trợ và tài nguyên học tập. Trong đó, sinh viên có sự hài lòng cao nhất ở lĩnh vực “Thiết kế và phân phối chương trình” với giá trị trung bình $36,79 \pm 3,88$, chiếm 76,64%. Nghiên cứu có kết quả tương đương với kết quả nghiên cứu trên đối tượng sinh viên điều dưỡng của tác giả Quân Nguyễn tại Trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch năm 2023, tác giả Naglaa năm 2021 tại trường Đại học Alexandria, Ai Cập và tác giả Ryan tại một trường Điều dưỡng ở Campuchia năm 2021.^{7,10,11} Điều này có thể phản ánh cảm nhận tích cực của sinh viên Điều dưỡng về cấu trúc, sự sắp xếp và tính hệ thống của chương trình đào tạo tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội.

Lĩnh vực “Hỗ trợ và tài nguyên học tập” là lĩnh vực được sinh viên Điều dưỡng hài lòng cao thứ hai với giá trị trung bình $14,54 \pm 2,29$, chiếm 72,70%. Tuy nhiên, kết quả trong nghiên cứu ghi nhận vẫn thấp hơn so với một số nghiên cứu cả trong lẫn ngoài nước.^{7,10,11} Điều này có thể gợi ý rằng hệ thống hỗ trợ học tập tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội vẫn còn những điểm cần được cải thiện. Tuy nhiên, sự khác biệt giữa các nghiên cứu còn có thể chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như bối cảnh đào tạo, mức độ đầu tư cơ sở vật chất và sự khác biệt trong kỳ vọng của sinh viên.

Giảng dạy trên lớp là lĩnh vực tiếp theo được sinh viên nhận định mức độ hài lòng cao, với giá trị trung bình là $45,17 \pm 6,21$, chiếm 70,57%. Kết quả này tương đương với kết quả của tác giả Quân Nguyễn tại Trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch năm 2023.⁷ Điều này cho thấy trải nghiệm giảng dạy của sinh viên Điều dưỡng tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội

không có sự khác biệt đáng kể so với bối cảnh đào tạo tương tự. Tuy nhiên giữa các lĩnh vực được khảo sát, giảng dạy trên lớp chỉ xếp thứ ba về mức độ hài lòng, kết quả này có thể phản ánh rằng hoạt động giảng dạy trên lớp được đánh giá ở mức tích cực xong vẫn cần cải thiện để có mức độ hài lòng cao hơn.

Lĩnh vực giảng dạy lâm sàng là lĩnh vực có mức độ hài lòng thấp nhất trong nghiên cứu này với giá trị trung bình là $45,20 \pm 5,67$, chiếm 57,94%, trong khi ba lĩnh vực còn lại đều đạt từ 70% trở lên. Kết quả này tương tự với nghiên cứu của tác giả Quân Nguyễn tại Trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch năm 2023 và tác giả Naglaa năm 2021 tại trường Đại học Alexandria, Ai Cập.^{7,10} Sự chênh lệch mức độ hài lòng giữa các lĩnh vực có thể phản ánh tính đặc thù của môi trường lâm sàng, vốn chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như khối lượng công việc tại cơ sở thực tập, mức độ hướng dẫn của giảng viên lâm sàng và sự đa dạng của các tình huống lâm sàng thực tế. Kết quả này có thể gợi ý sự cần thiết của việc tăng cường phối hợp giữa nhà trường và cơ sở thực hành nhằm đảm bảo tính nhất quán trong hướng dẫn lâm sàng.

Tổng điểm hài lòng chung của sinh viên Điều dưỡng tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội là $141,71 \pm 15,60$ (chiếm 73,80% điểm tối đa) cho thấy mức độ hài lòng của sinh viên Điều dưỡng trong nghiên cứu ở mức độ cao. Kết quả này cao hơn nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Lan Anh tại Trường Đại học Kỹ Thuật Y Tế Hải Dương năm 2023, tại Namibia của tác giả Tomas năm 2022 nhưng thấp hơn nghiên cứu của tác giả Quân Nguyễn tại Trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch năm 2023, tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành của tác giả Vũ Thị Xim năm 2023.^{7,12-14} Sự ghi nhận tích cực này có ý nghĩa trong bối cảnh đào tạo Điều dưỡng hiện nay, khi sự hài lòng của người học được

xem là một trong những yếu tố liên quan đến động lực học tập và gắn bó nghề nghiệp. Tuy nhiên, sự hài lòng không phản ánh đầy đủ tất cả các khía cạnh chất lượng đào tạo và không loại trừ khả năng vẫn tồn tại những lĩnh vực cần cải thiện, như đã được thể hiện qua sự khác biệt giữa các thành phần lĩnh vực.

Số năm theo học là yếu tố duy nhất trong ba yếu tố có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong nghiên cứu. Sinh viên Điều dưỡng năm thứ tư là nhóm có mức độ hài lòng thấp hơn so với sinh viên năm thứ hai và năm thứ ba. Kết quả này khác với kết quả nghiên cứu của tác giả Tomas tại Namibia năm 2022 khi năm thứ hai có sự hài lòng thấp nhất và tác giả Mohammed tại Basra năm 2020 lại có kết quả sự hài lòng giảm dần qua các năm học.^{13,15} Việc sinh viên năm thứ tư ghi nhận mức độ hài lòng thấp hơn có thể gợi ý rằng trải nghiệm học tập ở giai đoạn cuối chương trình đào tạo đi kèm với những thách thức lớn hơn các năm trước. Sự gia tăng trách nhiệm lâm sàng, yêu cầu hoàn thành khóa luận tốt nghiệp và chuẩn bị tốt nghiệp có thể tác động đến nhận định của sinh viên Điều dưỡng.

V. KẾT LUẬN

Sự hài lòng trong học tập được sinh viên Điều dưỡng nhận định ở mức độ cao, đạt 73,80% điểm tối đa, phản ánh nhận định tích cực chung về môi trường học tập và chương trình đào tạo tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội. Trong các lĩnh vực được khảo sát, thiết kế và phân phối chương trình được đánh giá cao nhất, trong khi giảng dạy lâm sàng có mức độ hài lòng thấp nhất.

Năm học được xác định là yếu tố liên quan đến sự hài lòng, với sinh viên năm thứ tư ghi nhận mức độ hài lòng thấp hơn so với sinh viên năm thứ hai và năm thứ ba. Kết quả này gợi ý sự khác biệt trong trải nghiệm học tập theo các giai đoạn đào tạo.

Những phát hiện này cung cấp cơ sở tham khảo cho việc điều chỉnh và cải thiện môi trường học tập, đặc biệt ở lĩnh vực giảng dạy lâm sàng, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo điều dưỡng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Farooq S, Rehman R, Hussain M, et al. Comparison of undergraduate educational environment in medical and nursing program using the DREEM tool. *Nurse Education Today*. 2018; 69: 74-80.
2. Vanaki Z, Hakim A. Students' Satisfaction of Nursing Education: A Qualitative Study. *SAGE Open*. 2023; 13(2): 21582440231169471.
3. McLean SF. Case-Based Learning and its Application in Medical and Health-Care Fields: A Review of Worldwide Literature. *J Med Educ Curric Dev*. 2016; 3:JMECD.S20377. doi:10.4137/JMECD.S20377.
4. Rahmatpour P, Sharif Nia H, Farahani MA, et al. Translation and Psychometric Evaluation of the Undergraduate Nursing Student Academic Satisfaction Scale (UNSASS). *J Nurs Meas*. Published online September 13, 2021: JNM-D-20-00068. doi:10.1891/JNM-D-20-00068.
5. Guerra-Martín MD, Cano-Orihuela A, Martos-García R, et al. Translation and First Pilot Validation Study of the "Undergraduate Nursing Student Academic Satisfaction Scale" Questionnaire to the Spanish Context. *International Journal of Environmental Research and Public Health*. 2021; 18(2): 423. doi:10.3390/ijerph18020423.
6. Trần Thái Phúc, Phạm Thị Nga. Phản hồi của sinh viên Điều dưỡng về môi trường học lý thuyết và lâm sàng của Trường Đại học Y Dược Thái Bình năm 2022. *Tạp chí Y học Cộng đồng*. 2023; 64(5).
7. Nguyễn Quân, Đặng Trần Ngọc Thanh, Trần Thụy Khánh Linh. Sự hài lòng của sinh

viên điều dưỡng về chương trình đào tạo tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. *Tạp chí Khoa học Điều dưỡng*. 2023; 6(05): 34-47.

8. Gosak L, Fijačko N, Chabrera C, et al. Perception of the Online Learning Environment of Nursing Students in Slovenia: Validation of the DREEM Questionnaire. *Healthcare*. 2021; 9(8): 998.

9. Dennison S, El-Masri MM. Development and Psychometric Assessment of the Undergraduate Nursing Student Academic Satisfaction Scale (UNSASS). *J Nurs Meas*. 2012; 20(2): 75-89.

10. Department of Nursing Administration, Alexandria University, Alexandria, Egypt, Et Al. ES. Nursing students' satisfaction with the academic program: A cross sectional study. *Int j adv appl sci*. 2021; 8(11): 50-57.

11. Ryan A, Kem S, Borey C, et al. Nursing students' experience of academic learning in

a Cambodian School of Nursing. *Journal of Cambodian Health*. 2021; 1.

12. Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Thu Hiền, Đàm Thị Thùy. Sự hài lòng về môi trường học tập lý thuyết và lâm sàng của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Kỹ Thuật Y Tế Hải Dương. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2024; 535(1).

13. Tomas N, Muronga H. Undergraduate nursing student satisfaction with the nursing program at a university campus in Namibia. *International Journal of Africa Nursing Sciences*. 2022; 17: 100443.

14. Vũ Thị Xim, Nguyễn Thị Anh. Hài lòng của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành về môi trường học lâm sàng. *TNU J Sci Technol*. 2023; 228(12): 466-473. doi:10.34238/tnu-jst.8557.

15. Mohammed Ebrahim S. Academic Satisfaction Among Nursing College Students in Basra. *Res J Med Sci*. 2020; 14(1): 15-19.

Summary

ASSESSMENT OF LEARNING SATISFACTION AMONG NURSING STUDENTS AT HANOI MEDICAL UNIVERSITY - THANH HOA CAMPUS IN THE ACADEMIC YEAR 2023-2024 AND ASSOCIATED FACTORS

Learning satisfaction among nursing students is a critical component in ensuring educational quality and influencing overall academic success. A cross-sectional descriptive study was conducted among 193 second- to fourth-year nursing students at the Hanoi Medical University Branch Campus using a structured questionnaire to assess their learning satisfaction. The results indicated a high level of satisfaction, with a mean score of 141.71 ± 15.60 (representing 73.80% of the maximum possible score) on the UNSASS scale. The highest satisfaction was observed in the domain of curriculum design and delivery. Academic year was identified as a factor associated with learning satisfaction, with fourth-year students reporting lower levels of satisfaction compared to second- and third-year students.

Keywords: Nursing students, satisfaction, UNSASS.